

Bản án số: **39/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/7/2017.

V/v Tranh chấp HNGĐ về
ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Phụng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hứa Văn Khương**.

2. Ông **Lâm Hữu Tâm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Văn Diễn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Xuân Mai** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03/5/2017 về việc “Tranh chấp Hôn nhân gia đình về Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị Hoàn N**, địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông **Lê Ngọc Q**, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người phiên dịch: Ông Thạch Wa Sa N, Công chức Phòng Dân tộc huyện K, tỉnh Sóc Trăng làm phiên dịch tiếng Khmer cho bà Thạch Thị Hoàn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2017 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Thạch Thị Hoàn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Ngọc Q đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M ngày 18/4/2014 và đến ngày 25/4/2014 thì ông bà tiến hành cưới nhau theo phong tục tập quán tại địa phương trên tinh thần tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 5/2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Q có rượu chè, cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, xúc phạm, sỉ nhục bà và xua đuổi bà ra khỏi nhà, kể từ tháng

7/2016 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì gia đình hai bên và vợ chồng không có gặp nhau để bàn bạc.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Thạch Gia B, sinh ngày 14/02/2015, hiện nay cháu B sống với ông Q.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông Q;

- Về con chung: Bà yêu cầu nuôi cháu Lê Thạch Gia B, sinh ngày 14/02/2015 đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi cháu B.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2017, biên bản hòa giải ngày 09/6/2017 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Ngọc Q trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà N về thời gian kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn và thời gian ly thân; con chung và tài sản chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn khi ông đưa bà N về bên vợ chơi thì vợ chồng thường xuyên cãi vã qua lại về việc vợ ông cho rằng ông không lo làm ăn.

Nay ông Q đồng ý ly hôn với bà N; yêu cầu được nuôi con chung là cháu B, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa sơ thẩm có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giao con chung cho ông Lê Ngọc Q tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Hoàn N và ông Lê Ngọc Q tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương ngày 25/4/2014, không ai bị ép buộc và ông bà có đăng ký kết hôn đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà N và ông Q thường xuyên cãi vã với nhau, ông Q cũng có rượu chè không lo lắng cho vợ con, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống; vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm

trọng, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2016 cho đến nay, cũng như sau khi Tòa án đã thụ lý có mời hai bên đến hòa giải nhiều lần và có thời gian để hai ông bà tìm biện pháp để vợ chồng hàn gắn lại, nhưng đến thời điểm này cả hai người cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại tòa hôm nay, bà N kiên quyết ly hôn với ông Q và phía ông Q cũng đồng ý. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà thực sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Thạch Thị Hoàn N được ly hôn với ông Lê Ngọc Q.

[2] Về con chung: Bà Thạch Thị Hoàn N và ông Lê Ngọc Q thừa nhận ông bà sống chung có 01 con chung là cháu Lê Thạch Gia B, sinh ngày 14/02/2015 và hiện nay cháu B sống với ông Q; cả hai bên đều yêu cầu nuôi con và không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. **Xét thấy:** Cháu Lê Thạch Gia B, sinh ngày 14/02/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/7/2017 thì cháu B dưới 36 tháng tuổi thì theo quy định tại đoạn 1 khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì được giao cháu B cho bà N nuôi dưỡng. Tuy nhiên, kể từ tháng 7/2016 ông bà sống ly thân cho đến nay, ông Q là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu B, bà N không có đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B lần nào và hiện nay cháu B sống với ông Q cũng thể hiện ông Q là người đáp ứng đầy đủ quyền lợi về mọi mặt của cháu B là phù hợp theo quy định tại đoạn 2 khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu B cho ông Q nuôi dưỡng là đúng theo quy định của pháp luật, bà N yêu cầu nuôi cháu N là không có căn cứ như nhận định trên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho cháu B. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện của ông Q về việc không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho cháu B.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà N không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: ông bà xác định không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà Thạch Thị Hoàn N chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung cho ông Lê Ngọc Q trực tiếp nuôi là có căn cứ như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 và khoản 3 Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Thạch Thị Hoàn N được ly hôn với ông Lê Ngọc Q.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lê Thạch Gia B, sinh ngày 14/02/2015 cho ông Lê Ngọc Q được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; bà Thạch Thị Hoàn N không phải cấp dưỡng nuôi con, vì ông Q không yêu cầu.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà N, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thạch Thị Hoàn N chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005777, ngày 25/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lê Ngọc Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (PGĐKT);
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bên đương sự;
- Ủy ban ND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Phụng